

Bản án số: 11/2018/DS - KDTM

Ngày: 30-11-2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Bảo Huyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhớ

2. Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tráng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 28/2018/TLST-KDTM ngày 05/9/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2018/QĐXXST-KDTM ngày 31/10/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2018/QĐST-KDTM ngày 15/11/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty TNHH MTV A.** Địa chỉ: 22 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội. Bên được ủy quyền: Ngân hàng B- trụ sở: 02 Láng Hạ, quận Ba Đình, Tp Hà Nội (theo Hợp đồng ủy quyền số 19399/2015/UQ.VAMC1-AGRIBANK ngày 21-9/2015 giữa Công ty TNHH MTV A và Ngân hàng B). Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Tấn C, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng B- Chi nhánh C, địa chỉ: Số A đường B, TP Đà Nẵng. Ông Đỗ Tấn C ủy quyền cho ông Hà Đức H, chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng B- Chi nhánh C. (Có mặt).

- Bị đơn: **Công ty TNHH Sản xuất và thương mại D.** Trụ sở: Số B đường C, phường D, quận E, thành phố Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: bà Hồ Thị Kim K, chức vụ: Giám đốc Công ty.(Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Hồ Thị Kim K**, sinh năm 1967; ông **Trần Ngọc K**, sinh năm 1965, cùng trú tại: Số C đường D, phường E, quận F, Tp Đà Nẵng. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Hà Đức H trình bày:

Ngân hàng B- Chi nhánh C Đà Nẵng (gọi tắt là C) cho Công ty TNHH Sản xuất và thương mại D vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 010/10/13/HĐTD ngày 15/6/2013 giữa Agribank C và Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại D.

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh sản xuất bột trét tường và kinh doanh khách sạn.

Số tiền cho vay: 6.200.000.000đ. Thời gian của Hợp đồng tín dụng: 12 tháng. Lãi suất cho vay: 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Các tài sản thế chấp gồm:

1/ Nhà và đất ở tại phường Mân Thái, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X065485 do UBND Tp Đà Nẵng cấp ngày 07/8/2003 thuộc sở hữu bà Phan Thị Diệu X.

2/ Nhà và đất ở tại tổ 7, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 870762 do UBND quận Hải Châu cấp ngày 29/11/2011 thuộc sở hữu của ông Nguyễn Thành L.

3/ Nhà và đất ở tại tổ 7, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 870789 do UBND quận Hải Châu cấp ngày 29/11/2011 thuộc sở hữu của ông Nguyễn Thành L.

4/ Nhà và đất ở tại K382/12 Núi Thành, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 870663 do UBND quận Hải Châu cấp ngày 15/11/2011 thuộc sở hữu của bà Hồ Thị Kim K.

Trong quá trình vay vốn Công ty TNHH sản xuất và thương mại D và những người có nghĩa vụ liên quan đã trả số tiền gốc là 5.819.357.497đ, số tiền lãi là 1.402.224.820đ và đã rút bớt một phần tài sản là:

1/ Nhà và đất ở tại phường Mân Thái, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X065485 do UBND Tp Đà Nẵng cấp ngày 07/8/2003 thuộc sở hữu bà Phan Thị Diệu X

2/ Nhà và đất ở tại tổ 7, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 870762 do UBND quận Hải Châu cấp ngày 29/11/2011 thuộc sở hữu của ông Nguyễn Thành L.

3/ Nhà và đất ở tại tổ 7, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 870789 do UBND quận Hải Châu cấp ngày 29/11/2011 thuộc sở hữu của ông Nguyễn Thành L.

Tài sản bảo đảm tiền vay còn lại:

Nhà và đất ở tại K382/12 Núi Thành, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 870663 do UBND quận Hải Châu cấp ngày 15/11/2011 thuộc sở hữu của bà Hồ Thị Kim K.

Ngày 21/9/2015, Công ty TNHH MTV A và Ngân hàng B đã ký Hợp đồng mua bán nợ số 19398/2015/MBN.VAMC-AGRIBANK, nội dung Ngân hàng B bán cho Công ty TNHH MTV A toàn bộ số nợ đối với Công ty TNHH sản xuất và thương mại D.

Ngày 21/9/2015, Công ty TNHH MTV A ủy quyền cho Ngân hàng B theo Hợp đồng ủy quyền số 19399/2015/UQ.VAMC1-AGRIBANK ngày 21-9/2015 để thu hồi nợ, khởi kiện đối với Công ty TNHH sản xuất và thương mại D.

Tính đến ngày 30/11/2018, tổng số tiền Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại D phải thanh toán theo Hợp đồng tín dụng số 010/10/13/HĐTD ngày 15/6/2013 cho Công ty TNHH MTV A là 1.017.614.339đ, trong đó nợ gốc là 380.642.503đ, nợ lãi trong hạn là 134.806.514đ, nợ lãi quá hạn là 502.192.322đ.

Trong quá trình vay vốn Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại D đã vi phạm hợp đồng tín dụng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, làm việc, đôn đốc nhắc nhở và đã tạo điều kiện để Công ty trả nợ Ngân hàng nhưng Công ty vẫn không chấp hành, món vay trên hiện nay đã bị quá hạn.

Nay, để bảo đảm quyền lợi của mình, đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH Sản xuất và thương mại D thanh toán cho Công ty TNHH MTV A số tiền (gốc, lãi vay tạm tính đến ngày 30/11/2018) là 1.017.614.339đ, trong đó nợ gốc là 380.642.503đ, nợ lãi trong hạn là 134.806.514đ, nợ lãi quá hạn là 502.192.322đ. Đồng thời tiếp tục cho tính lãi phát sinh trên số dư nợ gốc từ ngày

01/12/2018 cho đến khi Công ty TNHH Sản xuất và thương mại D thanh toán hết số nợ.

Trường hợp Công ty TNHH Sản xuất và thương mại D không thanh toán được hết số nợ thì yêu cầu Tòa án cho xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Nhà và đất ở tại K382/12 Núi Thành, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BG 870663 do UBND quận Hải Châu cấp ngày 15/11/2011 thuộc sở hữu của bà Hồ Thị Kim K theo Hợp đồng thế chấp số 011/12/CM-TV ngày 08/3/2012 giữa Agribank Chi nhánh C và bà Hồ Thị Kim K.

*Về phía bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mặc dù Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật để lấy lời khai, hòa giải nhưng bị đơn Công ty TNHH Sản xuất và thương mại D, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Kim K, ông Trần Ngọc K vẫn không có ý kiến phản hồi.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, thẩm phán, thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng trong quá trình tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án. Đối với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt không lý do chính đáng, vì vậy bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 73 BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Công ty TNHH Sản xuất và thương mại D buộc phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV A tổng số tiền 1.017.614.339đ theo Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Trường hợp Công ty TNHH Sản xuất và thương mại D không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì tài sản thế chấp sẽ được xử lý theo Điều 299 của Bộ luật dân sự năm 2015. Án phí dân sự sơ thẩm Công ty TNHH Sản xuất và thương mại D phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát

nhân dân quận Thanh Khê phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tổ tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

***Về thủ tục tố tụng:**

[1] Đây là vụ án kinh doanh thương mại về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với bị đơn Công ty TNHH Sản xuất và thương mại D, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Kim K đến tham gia phiên tòa nhưng bị đơn Công ty TNHH Sản xuất và thương mại D, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Kim K, ông Trần Ngọc K vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

Ông Trần Ngọc K đăng ký thường trú tại K115/29 (K107/21 cũ) Ông Ích Khiêm, phường Thanh Bình, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng đã xuất cảnh đi khỏi Việt Nam từ ngày 23/7/2015, nhưng không có cơ sở xác định được ông K đang cư trú tại nước nào, địa chỉ cụ thể nên không thể thực hiện được thủ tục ủy thác tư pháp; và theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp của ông Trần Ngọc K được coi là cố tình giấu địa chỉ, do đó Tòa án nhân dân quận Thanh Khê tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

***Về nội dung vụ án:**

[1] Ngân hàng B- Chi nhánh C Đà Nẵng (gọi tắt là Agribank C) cho Công ty TNHH Sản xuất và thương mại D vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 010/10/13/HĐTD ngày 15/6/2013 giữa Agribank C và Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại D. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh sản xuất bột trét tường và kinh doanh khách sạn. Số tiền cho vay: 6.200.000.000đ. Thời gian của Hợp đồng tín dụng: 12 tháng. Lãi suất cho vay: 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Hợp đồng tín dụng số 010/10/13/HĐTD ngày 15/6/2013 có nội dung phù hợp quy định pháp luật và đạo đức xã hội nên được thừa nhận.

Trong quá trình vay vốn, Công ty TNHH sản xuất và thương mại D và những người có nghĩa vụ liên quan đã trả số tiền gốc là 5.819.357.497đ, số tiền lãi là 1.402.224.820đ và đã rút bớt một phần tài sản.

Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại D đã vi phạm hợp đồng tín dụng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, làm việc, đôn đốc nhắc nhở và đã tạo điều

kiện để Công ty trả nợ Ngân hàng nhưng Công ty vẫn không chấp hành. Như vậy, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi và nợ gốc đúng hạn đã cam kết là vi phạm vào thoả thuận quy định tại hợp đồng tín dụng và vi phạm vào Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tính đến ngày 30/11/2018, tổng số tiền Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại D còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 010/10/13/HĐTD ngày 15/6/2013 là 1.017.641.339đ, trong đó nợ gốc là 380.642.503đ, nợ lãi trong hạn là 134.806.514đ, nợ lãi quá hạn là 502.192.322đ.

Ngày 21/9/2015, Công ty TNHH MTV A và Ngân hàng B đã ký Hợp đồng mua bán nợ số 19398/2015/MBN.VAMC-AGRIBANK, nội dung Ngân hàng B bán cho Công ty TNHH MTV A toàn bộ số nợ đối với Công ty TNHH sản xuất và thương mại D nói trên.

Ngày 21/9/2015, Công ty TNHH MTV A ủy quyền cho Ngân hàng B theo Hợp đồng ủy quyền số 19399/2015/UQ.VAMC1-AGRIBANK ngày 21-9/2015 để thu hồi nợ, khởi kiện đối với Công ty TNHH sản xuất và thương mại D.

Đối với Công ty TNHH MTV Sản xuất và thương mại D: theo Biên bản xác minh của Tòa án nhân dân TP Đà Nẵng tại Phòng Đăng ký kinh doanh- Sở kế hoạch và đầu tư Tp Đà Nẵng vào ngày 18/01/2018, bị đơn Công ty TNHH MTV Sản xuất và thương mại D, trụ sở chính tại Số B đường C, phường D, quận E, thành phố Đà Nẵng đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp vào ngày 10/10/2014, nhưng đến nay chưa thực hiện thủ tục giải thể doanh nghiệp; Căn cứ quy định tại Điều 96 BLDS 2015, các điều 201, 202 và 203 Luật doanh nghiệp 2014 thì Công ty TNHH MTV Sản xuất và thương mại D vẫn chưa chấm dứt tồn tại.

Từ những phân tích ở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV A, buộc Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại D phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV A (tính đến ngày 30/11/2018) là 1.017.641.339đ, trong đó nợ gốc là 380.642.503đ, nợ lãi trong hạn là 134.806.514đ, nợ lãi quá hạn là 502.192.322đ theo Hợp đồng tín dụng số 010/10/13/HĐTD ngày 15/6/2013 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại D phải tiếp tục tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/12/2018 đối với khoản tiền gốc theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 010/10/13/HĐTD ngày 15/6/2013 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

[2] Về xử lý tài sản thế chấp:

Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp thì thấy: Căn cứ vào Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba của bà Hồ Thị Kim K và Ngân hàng B

chi nhánh C Đà Nẵng tại hợp đồng thế chấp số 011/12/CM-TC ngày 08/3/2012 thì tài sản bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại D là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số: 311; tờ bản đồ số: 41; địa chỉ: K382/12 Núi Thành, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 870663 do UBND quận Hải Châu cấp ngày 15/11/2011 cho bà Hồ Thị Kim K, bà Hồ Thị Kim K đã sử dụng tài sản của mình là nhà và đất trên để đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại D đối với Ngân hàng B - Chi nhánh C Đà Nẵng.

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 31/10/2018 thể hiện: Về nhà và đất không có sự thay đổi so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét thấy tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp tài sản, các bên hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung thỏa thuận phù hợp với đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm pháp luật; Hợp đồng thế chấp đã được chứng thực của cơ quan công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm. Vì vậy hợp đồng thế chấp tài sản là hợp pháp và có hiệu lực thực hiện nên tài sản thế chấp được xử lý theo Điều 299 BLDS 2015 khi Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại D không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại D thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty TNHH MTV A phải làm các thủ tục xóa thế chấp và trả lại giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản trên cho bà Hồ Thị Kim K theo quy định tại Điều 322 BLDS 2015.

[3] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định tại Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể là: $36.000.000đ + [(1.017.641.339đ - 800.000.000đ) \times 3\%] = 42.529.240đ$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 351, 401, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các Điều 30, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, 228, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 90, 91, 94, 95 và 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Công ty TNHH MTV A đối với Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại D.

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại D phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV A số tiền là **1.017.641.339 đ** (Một tỷ không trăm mười bảy triệu sáu trăm bốn mươi một ngàn ba trăm ba mươi chín đồng), trong đó nợ gốc là 380.642.503 đồng, nợ lãi trong hạn là 134.806.514 đồng, nợ lãi quá hạn là 502.192.322 đồng (lãi tạm tính đến ngày 30/11/2018).

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại D phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/12/2018 đối với khoản tiền nợ gốc theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 010/10/13/HĐTD ngày 15/6/2013 đến khi thanh toán xong.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại D không thanh toán nợ, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số: 311; tờ bản đồ số: 41; địa chỉ: K382/12 Núi Thành, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 870663 do UBND quận Hải Châu cấp ngày 15/11/2011 cho bà Hồ Thị Kim K được xử lý theo Điều 299 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại D thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty TNHH MTV A phải làm các thủ tục xóa thế chấp và trả lại giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản trên cho bà Hồ Thị Kim K.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 42.529.240đ (Bốn mươi hai triệu năm trăm hai mươi chín ngàn hai trăm bốn mươi đồng) Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại D phải chịu.

Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV A số tiền tạm ứng án phí 42.631.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0005996 ngày 17/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

4. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại

các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Bảo Huyền Trân

